

Bản án số: 114/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương

Bà Lê Thị Minh Khánh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐ-ST ngày 10/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giáp Thị Y, sinh ngày 28/01/1991 (vắng mặt)

Thường trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Chị Y ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993; Địa chỉ: số 436, đường Đ, thành phố H, tỉnh Hải Dương giao nhận tài liệu với Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh ngày 21/6/1987 (vắng mặt)

Thường trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động ở nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Nơi cư trú cuối cùng của anh Đ tại Việt Nam: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Giáp Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Đ được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 17/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Đ làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Trong 03 năm đầu kết hôn anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đặc biệt anh Đ đã nhiều lần trai gái, cờ bạc, mặc dù rất buồn nhưng nghĩ đến con chị đã cố gắng chịu đựng. Năm 2013 chị và anh Đ cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan mỗi người chung sống một nơi. Thời gian đầu anh Đ còn chịu khó làm ăn nhưng càng về sau cuộc sống ổn định hơn thì anh Đ lại thay lòng đổi dạ, có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Bùi Nhật T, sinh ngày 18/7/2012. Hiện nay cháu T đang sinh sống cùng bà Nguyễn Thị Đ (mẹ đẻ anh Đ). Do chị chuẩn bị đi nước ngoài lao động nên chị đề nghị giao con chung cho anh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Đ về Việt Nam sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn Đ là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ, chị Y được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị Y về nhà bà làm dâu và chung sống hòa thuận. Sau đó khoảng năm 2013 và 2014 anh Đ, chị Y cùng đi Đài Loan lao động. Sang Đài Loan anh, chị vẫn hòa thuận nhưng khoảng tháng 10/2021 thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bà không nắm được. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo anh, chị nhưng không được.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Bùi Nhật T, sinh ngày 18/7/2012, hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà. Bà đồng ý nuôi cháu T giúp anh Đ trong thời gian anh Đ lao động tại nước ngoài. Bà xác định việc nuôi cháu T từ khi anh Đ, chị Y đi lao động đến nay vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của bà đối với cháu nên bà không yêu cầu anh Đ, chị Y phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T.

Ngoài ra bà cho biết: Anh Đ đi lao động tại nước ngoài khi đang sinh sống cùng bà tại Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Bà đã thông báo cho anh Đ biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị Y và anh Đ. Anh Đ cho biết: anh đồng ý ly hôn chị Y và nhất trí nuôi con như chị Y đề nghị nhưng anh Đ không cung cấp cho địa chỉ nơi làm việc, nơi ở và ý kiến bằng văn bản cho Tòa án được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu Bùi Nhật T trình bày: Cháu hiện nay đang sinh sống cùng bố, bà nội và được bố, bà nội chăm sóc đầy đủ. Nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở cùng bố và bà nội.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Giáp Thị Y, bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt, anh Bùi Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Giáp Thị Y; biên bản lấy lời khai của bà Đ là mẹ đẻ anh Bùi Văn Đ và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, Điều 104; khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị Y.

Xử cho chị Giáp Thị Y được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

Về con chung: Do anh Đ hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, chị Y cũng chuẩn bị đi nước ngoài lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Nhật T cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Đ về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị Y không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Chị Giáp Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Y khởi kiện xin ly hôn anh Đ và đề nghị giải quyết nuôi con. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đ là bị đơn bị khởi kiện đang ở nước ngoài theo trình bày của nguyên đơn chị Y, anh Đ có địa chỉ cuối cùng tại Việt Nam ở Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Theo Công văn số 5583/QLXNC-P5 ngày 20/3/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh Bùi Văn Đ, sinh ngày 21/6/1987 đã xuất nhập cảnh 05 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 20/02/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh Đ được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh Đ là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Giáp Thị Y, bà Nguyễn Thị Đ xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y, bà Đ.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bà Đ là mẹ đẻ anh Đ, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh Đ trước khi xuất cảnh lần gần nhất là Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Đ thông qua bà Đ và đề nghị bà Đ thông báo cho anh Đ biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Giáp Thị Y và bị đơn là anh Bùi Văn Đ. Bà Đ cho biết anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc với bà và người thân, nhưng anh Đ không cung cấp cho bà, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh Đ tại Đài Loan. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị Y và anh Bùi Văn Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 17/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh Đ ly hôn anh Bùi Văn Đ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Y, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị Y, anh Đ chung sống hòa thuận. Sau đó năm 2013 anh, chị cùng sang Đài Loan lao động. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận nhưng đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện thoại khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn tiếp tục về chung sống nhưng không được. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân một thời gian dài. Anh Đ không gửi ý kiến cho Tòa án nhưng thông qua gia đình có thể hiện đồng ý ly hôn với chị Y. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị Y, anh Đ không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh Đ, xử cho chị Y được ly hôn anh Đ là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị Y, anh Đ có 01 con chung là Bùi Nhật T, sinh ngày 18/7/2012. Hiện đang sinh sống cùng bà nội là bà Được. Sau khi ly hôn chị Y đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng tạm giao cho bà Được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Đ về nước sinh sống, cháu T có nguyện vọng được ở cùng bố và bà nội

Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Y: Từ khi chị Y, anh Đ đi lao động đến nay cháu T vẫn do bà Được chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Tuy chị Y hiện đang ở trong nước nhưng chị Y trình bày sẽ tiếp tục đi lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Cháu T trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng được ở với bố, bà nội. Mặc dù anh Đ hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng bà Được (mẹ anh Đ) đồng ý nuôi cháu T giúp anh Đ cho đến khi anh Đ về nước sinh sống. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu giao cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Đ nuôi dưỡng cho đến khi anh Đ về nước sinh sống là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung, phù hợp Điều 81, 104 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn, chị Giáp Thị Y không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp chị Giáp Thị Y có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, chị có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, công nợ chung: Do chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Giáp Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Chị Giáp Thị Y, bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Anh Bùi Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Giáp Thị Y được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Nhật T, sinh ngày 18/7/2012 cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nhưng tạm giao cháu Bùi Nhật T cho bà Nguyễn Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh Đ về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, chị Giáp Thị Y không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Giáp Thị Y phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000002 ngày 14/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Giáp Thị Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Giáp Thị Y, bà Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Bùi Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

